TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-PT
Ngày 14-01-2021
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đắc Đương

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Dựa

Ông Trịnh Hữu Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 và ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 8 năm 2020 về Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 290/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Thạch C, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thạch Chính: Ông Lê Tấn S, sinh năm 1997; trú tại ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Văn bản ủy quyền ngày 09/10/2020) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Thạch C: Ông Lưu Tuấn L là Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn X (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Thạch Thị N, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thạch Thị N: Bà Nguyễn Thị Hồng T – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Kim Thị S, sinh năm 1959 (có mặt)

2. Bà Thạch Thị K, sinh năm 1982 (có mặt)

3. Ông Thạch S, sinh năm 1985 (có mặt)

4. Chị Thạch Thị N, sinh năm 1990 (vắng mặt)

5. Anh Thạch C, sinh năm 1992 (có mặt)

6. Chị Thạch Thị , sinh năm 1995 (có mặt)

7. Chị Thạch Thị U, sinh năm 1998 (có mặt)

8. Anh Sơn T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

9. Ông Kim R, sinh năm 1965 (vắng mặt)

10. Chị Kim Chan T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

11. Anh Kim Chăn T, sinh năm 1995 (vắng mặt)

12. Chị Kim Thị Chan T, sinh năm 1998 (vắng mặt)

13. Chị Kim Thị Ngọc B, sinh năm 2001 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Kim R, chị Kim Chan T, anh Kim Chăn T, chị Kim Thị Chan T, chị Kim Thị Ngọc B: Bà Thạch Thị N, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

14. Ông Thạch T, sinh năm 1934 (vắng mặt)

15. Bà Thạch Thị Sa H, sinh năm 1943 (vắng mặt)

16. Bà Thạch Thị Sa N, sinh năm 1944 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh

17. Ông Thạch P, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh

18. Bà Thạch Thị S, sinh năm 1943 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh

19. Ông Lâm Trần Q (vắng mặt)

20. Chị Lâm Thị Oanh N, sinh năm 1980 (vắng mặt)

21. Anh Lâm Mô N, sinh năm 1984 (vắng mặt)

22. Anh Lâm S, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh

23. Anh Lâm Trần Thia Sa R, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm R, Phường T, thành phố T, tỉnh Trà Vinh

24. Bà Thạch Thị R (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Ông Thạch C là nguyên đơn, bà Thạch Thị L, bà Kim Thị S, bà Thạch Thị K, ông Thạch S, chị Thạch Thị N, anh Thạch C, chị Thạch Thị U, anh Sơn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Người phiên dịch*: Ông Thạch C, công tác tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường K, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2018 và đơn khởi kiện bổ sung và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Thạch C trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 8.391m^2 (nằm trong tổng diện tích 12.880m^2) thuộc thửa số 279, tờ bản đồ số 7 loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh nguồn gốc là của ông Thạch C là ông ngoại của ông và bà Thạch Thị N là anh em cùng mẹ khác cha với ông (bà Nho con của bà Thạch Thị S và ông Thạch T). Ông Thạch C có 03 người con là Thạch Thị C hiện đã chết, Thạch Thị S và bà Thạch Thị S. Khi ông ngoại ông còn sống đã chia đều đất cho các con mỗi người 20 công trong đó mẹ ông là Thạch Thị S được 20 công, phần diện tích đất đang tranh chấp với bà N là nằm trong tổng diện tích mà ông ngoại ông đã chia cho mẹ ông. Năm 1966 sau khi mẹ ông chết thì giao phần đất này cho bà Thạch Thị S canh tác quản lý một phần, phần còn lại không sử dụng.

Năm 1979 - 1980 gia đình ông khai phá sử dụng khoảng 12 công, còn bà N khai phá sử dụng khoảng 7 công. Gia đình ông có đăng ký kê khai vào năm 1992 và đến năm 1996 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 12.880m^2 thuộc thửa số 279. Cùng thời điểm năm 1996 gia đình bà N qua mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông, sau đó thì hai bên phát sinh tranh chấp. Ủy ban nhân dân xã tiến hành hòa giải chia cho ông được hưởng 4.500m^2 trong tổng diện tích 12.880m^2 và bà N được khoảng hơn 8.000m^2 (nay là phần diện tích đất tranh chấp). Ông C không thống nhất tuy nhiên không có khiếu nại. Nay ông yêu cầu buộc hộ bà Thạch Thị N trả lại diện tích đất 8.391m^2 (nằm trong tổng diện tích 12.880m^2) thuộc thửa số 279, tờ bản đồ số 7 loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh, công nhận cho ông được quyền sử dụng diện tích đất trên và ông yêu cầu hủy Thông báo số 10/TB-STNMT ngày 20/02/2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 279 của ông.

Theo bị đơn bà Thạch Thị N trình bày: Nguồn gốc phần diện tích đất tranh chấp là của ông Thạch C ông ngoại của bà để lại cho bà nội bà là Kim Thị V canh tác nuôi bà, sau khi bà V chết bà trực tiếp sử dụng phần đất này từ năm 1992 đến nay và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận tạm thời vào năm 1995 diện tích 12.910m^2. Năm 1986 sau khi bà nội bà chết thì các cô của bà canh tác, đến năm 1992 thì bà canh tác, giáp với phần đất tranh chấp có đất của ông Thạch C canh tác khoảng hơn 4 công. Bà đã sử dụng phần đất này ổn định từ năm 1992 và không có ai tranh chấp. Sau đó bà phát hiện vợ chồng ông C và bà S đăng ký kê khai cả phần diện tích đất của bà, hai bên phát sinh tranh chấp, chính quyền địa phương tiến hành hòa giải vào năm 1996 giao cho ông C sử dụng 4.500m^2 và bà được sử dụng hơn 8.000m^2. Ông C không có khiếu nại hay tranh chấp gì. Nay ông Chính yêu cầu hộ bà trả đất và công nhận quyền sử sụng đất trên cho ông C thì bà không đồng ý. Yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất diện tích 8.391m^2 (nằm trong tổng diện tích 12.880m^2) thuộc thửa số 279, tờ bản đồ số 7 loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho bà sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kim Thị S, ông Thạch S, bà Thạch Thị K, bà Thạch Thị N, ông Thạch C, bà Thạch Thị U, ông Sơn T, bà Thạch Thị L thống nhất theo lời trình bày của ông Thạch C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch T trình bày: Ông là con của bà Kim Thị V và ông Thạch P, ông biết nguồn gốc phần diện tích đất tranh chấp là của ông Thạch C cho mẹ ruột ông là Kim Thị V sử dụng từ trước năm 1975 để nuôi bà Thạch Thị N, ông cũng có canh tác trên phần đất này do thời điểm đó ông sống chung với bà V. Đến năm 1992 khi bà N lập gia đình nên ông thống nhất cùng với bà Sa N giao cho bà N canh tác. Ông Thạch C không có canh tác trên phần đất tranh chấp. Trong vụ kiện này ông không có tranh chấp hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch P, bà Thạch Thị Sa N, bà Thạch Thị Sa H cùng có lời trình bày như lời trình bày của ông Thạch T. Trong vụ kiện này các ông, bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị S trình bày: Bà là em của bà Thạch Thị S mẹ của ông C và bà N, nguồn gốc phần diện tích đất tranh chấp giữa ông C và bà N là của ông Thạch C là cha của bà để lại, cha bà đã chia đất cho các con trong đó có bà và bà Sốc. Phần đất của bà S sau khi bà Sốc chết thì chồng bà S là ông Thạch T giao phần đất này cho bà Kim Thị V mẹ ruột của ông T canh tác để nuôi bà Thạch Thị N. Sau khi bà V chết thì ông T đứng ra chia đất cho ông C và bà N hiện trong sử dụng đến ngày hôm nay các bên không có ai tranh chấp. Bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Trần Q trình bày: Ông là con rể của bà Kim Thị V, vào khoảng năm 1975 ông về làm rể bà V nên ông biết rõ nguồn gốc diện tích đất tranh chấp giữa ông C và bà N. Phần diện tích đất tranh chấp thì bà V là người canh tác. Năm 1981-1983 đất có đưa vào tập đoàn, nhưng bà V vẫn canh tác phần đất này với diện tích hơn 12.000m^2. Sau khi rã tập đoàn thì bà V và bà Sa

N canh tác trên phần đất này, đến khi bà N có gia đình thì bà V giao lại cho bà N canh tác và tách một phần cho ông C sử dụng. Ông C nhận đất và không có tranh chấp. Đối với diện tích đất tranh chấp với bà N thì ông C không có khoảng thời gian nào canh tác trên phần đất này. Trong vụ kiện này ông không có tranh chấp hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lâm Thị Oanh N trình bày: Diện tích đất mà ông C tranh chấp với bà N có nguồn gốc là của ông Thạch C. Sau đó ông C cho bà V diện tích 12.000m^2. Sau đó bà V chia lại cho bà N khoảng hơn 8.000m^2 và chia cho ông C hơn 4.000m^2 hai bên nhận đất và không có tranh chấp gì. Đối với phần diện tích đất tranh chấp bà không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm S trình bày: Ông là cháu ngoại của bà V, đối với phần diện tích đất ông C đang tranh chấp thì từ khi anh lớn lên chỉ thấy bà N canh tác trên phần đất này, không có ai tranh chấp gì. Nay ông ý kiến cho bà N được tiếp tục canh tác quản lý phần đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Trần Thia Sa R trình bày: Ông là con của bà Thạch Thị K, là cháu ngoại của bà Kim Thị V. Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp ông không rõ là của ai, nhưng ông biết mẹ ông là bà Thạch Thị K có thời gian ngắn canh tác trên phần đất này, sau đó giao lại cho bà N canh tác từ năm 1992 đến nay, ông C không có sử dụng phần đất này. Nay trong vụ kiện này ông không có tranh chấp hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Mô N thống nhất theo lời trình bày của ông Lâm Trần Thia Sa R.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị R là con của bà C là cháu ngoại của ông Thạch C từ chối cung cấp lời khai và cho rằng không có tranh chấp gì trong vụ kiện này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, 35, 39,147,157, 165, 227, 228, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 100, 166, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân, gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thạch C về việc yêu cầu hộ bà Thạch Thị N trả lại cho ông diện tích đất 8.391m^2 (trong tổng diện tích

12.880m^2) thuộc thửa số 279, tờ bản đồ số 7 loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Không xem xét yêu cầu của ông Thạch C về việc yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 10/TB-STNMT ngày 20/02/2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 279 do ông Thạch C đứng tên quyền sử dụng đất.

2. Công nhận cho bà Thạch Thị N được quyền sử dụng diện tích 8.391m^2 (trong tổng diện tích 12.880m^2) thuộc thửa số 279, tờ bản đồ số 7 loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, định giá, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/4/2020 ông Thạch C có đơn kháng cáo.

Ngày 29/4/2020 bà Thạch Thị L, bà Kim Thị S, bà Thạch Thị K, ông Thạch S, chị Thạch Thị N, anh Thạch C, chị Thạch Thị U, anh Sơn T cùng có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị L, bà Kim Thị S, bà Thạch Thị K, ông Thạch S, chị Thạch Thị N, anh Thạch C, chị Thạch Thị U, anh Sơn T vẫn giữa nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Thạch C trình bày: Về tố tụng: Ông Thạch C có yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm hủy Thông báo số 10/TB-STNMT ngày 20/02/2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là không giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của ông C, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vì Thông báo số 10/TB-STNMT chứa đựng nội dung của một quyết định hành chính cá biệt và làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C. Cần được Tòa án xem xét hủy theo quy định tại Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, khi xem xét hủy Thông báo số 10/TB-STNMT ngày 20/02/2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh, Tòa án phải đưa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh vào tham gia tố tụng để làm rõ lý do Sở hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông C và cung cấp các giấy tờ chứng minh là có tranh chấp nên không được cấp giấy. Bên cạnh đó, theo tư liệu địa chính thì thửa đất số 279 là do hộ ông Thạch C kê khai đăng ký, trong hộ ông Thạch C tại thời điểm kê khai đăng ký có ông Thạch S là con ruột của ông C nên khi giải quyết vụ án cần phải đưa ông Thạch S vào tham gia tố tụng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Thạch S và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Năm 1992 ông Thạch C có đăng ký quyền sử dụng đất ba thửa 277, 278, 279, trong đó thửa đất số 279 diện tích 12.880m^2 đã được Nhà nước duyệt

xét cấp. Đồng thời, cũng vào năm 1992 bà Thạch Thị N cũng tiến hành đăng ký quyền sử dụng các thửa đất 272, 193 và cũng được Nhà nước xét cấp và sử dụng ổn định cho đến nay. Như vậy, năm 1992 bà N và ông C đều có đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và được nhà nước xét duyệt, bà N cho rằng ông C kê khai luôn phần đất tranh chấp mà bà đang sử dụng là không có căn cứ chấp nhận. Xét về quá trình đăng ký kê khai thửa 279 năm 1983 ông C có đi kê khai đăng ký nhưng với tên gọi khác là Thạch C1, việc ông C có tên gọi khác là Thạch C là phù hợp với xác nhận của Trưởng ban nhân dân ấp H và phù hợp với cách xưng hô của các con bà N gọi ông C là Thạch C1. Như vậy, năm 1983 ông C có kê khai đăng ký thửa số 279 với tên Thạch C1 là đúng sự thật. Ngoài ra, trong bản án cấp sơ thẩm nhận định về diện tích đất tranh chấp có nhiều mâu thuẫn, không phù hợp với lời khai của bà N và lời khai của một số đương sự khác. Từ các cơ sở trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không đánh giá toàn diện chứng cứ để giải quyết vụ án được khách quan và không xác định sự thật của vụ án để giải quyết đúng đắn và công bằng.

Từ các phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án lại cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Thạch Thị N trình bày:

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ để chứng minh năm 1983 ông Thạch S là thành viên trong hộ ông Thạch C nhưng ông S không có công sức đóng góp gì trong việc tạo lập thửa đất số 279, nên việc Tòa án nhân dân huyện C không cần đưa ông Thạch S vào tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Đối với Thông báo số 10/TB-STNMT ngày 20/02/2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh, đây là thông báo mang tính chất nội bộ, chưa gửi cho ông Thạch C, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông C nên đây không phải là quyết định hành chính cá biệt để Tòa án xem xét hủy mà đây là văn bản mang tính chất nội bộ nên Tòa án nhân dân huyện C giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử công nhận phần đất cho bà Thạch Thị N là có căn cứ bởi lẽ theo lời khai của một số nhân chứng như ông Sơn T, ông Lâm Sa R,….đều xác nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Thạch C do bà N là người trực tiếp sử dụng ổn định lâu dài và khẳng định từ trước đến nay ông C chưa từng sử dụng. Lời khai của bà Kim Thị N cũng không khẳng định thửa đất số 279 ông Thạch C đã được nhận và đã cho bà N mượn. Ngoài ra, trong hồ sơ vụ án có lời khai của ông Thạch D cho rằng diện tích đất tranh chấp là của ông Thạch C, tuy nhiên lời khai của ông Thạch D qua các lần trình bày có khác nhau nên không thể là căn cứ chứng minh nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Thạch C.

Từ các phân tích trên cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là đúng quy định của pháp luật bởi lẽ căn cứ vào các văn bản của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C và văn bản số 2182/STNMT-TTr ngày 15/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh khẳng định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 279 chưa giao cho ông Thạch C và hiện tại còn lưu giữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh. Từ đó cho thấy việc ông C trình bày đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 279 và đã cho bà N mượn là không đúng. Đồng thời qua lời khai của một số người làm chứng và các chứng cứ khác chứng minh từ năm 1992 diện tích đất tranh chấp thuộc thửa số 279 bà N là người trực tiếp sử dụng.

Từ các phân tích trên xét thấy, kháng cáo của ông Thạch C và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn ông Thạch C là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của các đương sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Xét đơn kháng cáo của ông Thạch C và bà Thạch Thị L, bà Kim Thị S, bà Thạch Thị K, ông Thạch S, chị Thạch Thị N, anh Thạch C, chị Thạch Thị U, anh Sơn T còn trong thời hạn luật định.

[2] Về nội dung kháng cáo: Về nội dung đơn kháng cáo của ông Thạch C và bà Thạch Thị L, bà Kim Thị S, bà Thạch Thị K, ông Thạch S, chị Thạch Thị N, anh Thạch C, chị Thạch Thị U anh Sơn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Nguồn gốc diện tích đất 8.391m^2 (trong tổng diện tích 12.880m^2) thuộc thửa 279, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của ông Thạch C. Khi còn sống ông Thạch C đã chia đều cho các con mỗi người là 20 công đất, bà Thạch Thị S cũng được chia 20 công (bà Sốc là con của ông Thạch C và là mẹ của Thạch C và Thạch Thị N) do bà S chết trước ông Thạch C nên ông C có giao phần đất này cho bà Kim Thị V (bà nội của bà N) canh tác để nuôi bà N, mặc dù việc cho đất không thể hiện bằng văn bản nhưng có những người sinh sống lâu năm tại địa phương và chính quyền địa phương biết rõ. Sau khi bà V chết thì phần đất này bà N tiếp tục canh tác, ông C cũng không tranh chấp hay khiếu

nại gì. Ông Thạch C cũng thừa nhận vào năm 1996 sự việc tranh chấp giữa ông và bà N đã được chính quyền địa phương hòa giải mặc dù không thống nhất với kết quả giải quyết nhưng ông cũng không khiếu nại hay tranh chấp gì. Hai bên sử dụng ổn định phần diện tích đất tranh chấp, ông C sử dụng khoảng 4.500m^2 và bà N sử dụng khoảng hơn 8.000m^2.

[4] Về quá trình đăng ký kê khai: Theo tư liệu năm 1983 thì thửa số 78 diện tích 7.870m^2 loại đất 1L do bà Kim Thị Chiêng R đăng ký kê khai trên Sổ mục kê ruộng đất; Thửa số 79 diện tích 4.700m^2 loại đất 1L do ông Thạch C đăng ký kê khai trong sổ mục kê ruộng đất. Tuy nhiên, qua quá trình giải quyết vụ án xác định không có người nào tên là Kim Thị Chiêng R, đồng thời tại đơn xác nhận đề ngày 23/02/2020 của ông Thạch C xác nhận ngoài tên Thạch C, ông còn có tên là Thạch C. Qua xác minh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh làm rõ tại địa phương không có người nào tên là Thạch C, do đó không có cơ sở xác định cụ thể người đăng ký kê khai đối với thửa đất số 279 trên vào năm 1983 là ai. Theo tư liệu năm 1991 thì nhập chung thành thửa 279, tờ bản đồ số 7 loại đất LUK diện tích 12.880m^2 do ông Thạch C đăng ký kê khai trong Sổ mục kê đất. Việc thay đổi chủ thể đăng ký qua các thời kỳ có sự thay đổi về diện tích được trả lời tại Công văn số 2175/UBND-NN ngày 10/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C thể hiện việc thay đổi là căn cứ vào hồ sơ địa chính được lập qua các thời kỳ được lưu trữ tại Văn phòng đăng ký đất đai, không có văn bản hay giấy tờ gì thể hiện nguyên nhân của việc thay đổi.

Như vậy, vào năm 1983 thửa số 279 do bà Kim Thị Chiêng R và ông Thạch C đăng ký kê khai, đến năm 1991 do ông Thạch C đăng ký kê khai mà không thể hiện được lý do của việc chuyển dịch về chủ thể đăng ký kê khai. Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp không phải là của ông Thạch C, ông C không chứng minh được quá trình sử dụng đất của ông từ năm 1980 đến năm 1996 nhưng được đăng ký kê khai vào sổ mục kê ruộng đất vào năm 1991 là không đúng với quy định pháp luật đất đai về đăng ký kê khai.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Thạch C nại ra rằng ông Kim R là đại diện chính quyền ấp và bà Kim Thị N là người chứng kiến biết được việc ông C có nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 279 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ông Thạch R ngày 30/12/2020 cũng như lời khai của ông R trong quá trình giải quyết vụ án, ông R đều khẳng định thửa đất số 279 ông không có giao cho ông C. Đồng thời tại biên bản xác minh ngày 30/12/2020 bà Kim Thị N khai có cùng ông C đi nhận các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không thấy rõ số thửa mà ông C nhận có thửa đất số 279 hay không, đối với sự việc chồng của bà N đến nhà của ông C để mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà N có chứng kiến nhưng không biết ông C cho bà N mượn thửa đất nào. Như vậy, lời khai của ông Kim R và bà Kim Thị N mà ông C nại ra tại phiên tòa phúc thẩm cũng không chứng minh được ông C đã được giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 279.

[6] Ngoài ra, ông Thạch C có yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 10/TB-STNMT ngày 20/02/2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 279 ông Thạch C đứng tên do Thông báo trên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử xét thấy, tại Công văn số 2182/STNMT-TTr ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh trả lời đơn của ông Thạch C và tại Công văn số 1443/CTTT-CNHCT ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C trả lời Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đều xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 279, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh chưa được cấp phát cho ông Thạch C, hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang được lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh. Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh ra Thông báo số 10/TB-STNMT ngày 20/02/2006 về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 279 do ông Thạch C đứng tên là đúng theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai 2003 thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân cấp huyện, mà không phải thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh. Theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Luật Tố tụng hành chính thì: "Quyết định hành chính, hành vi hành chính mang tính nội bộ của cơ quan, tổ chức là những quyết định, hành vi chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác; quản lý, tổ chức cán bộ, kinh phí, tài sản được giao; kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, chính sách, pháp luật đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức".

Theo các quy định trên thì thông báo số 10/TB-STNMT ngày 20/02/2006 là văn bản mang tính chất nội bộ của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc chỉ đạo, điều hành của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực chuyên môn, đồng thời văn bản này không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính thì quyết định này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án nhân dân huyện C xác định Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh không liên quan đến vụ kiện và không đưa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh tham gia tố tụng và không xem xét hủy Thông báo số 10/TB-STNMT ngày 20/02/2006 là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong nội dung bản án sơ thẩm không nhận định phân tích đánh giá để xác định Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh không liên quan đến vụ kiện là thiếu sót cần rút kinh nghiệm trong quá trình xét xử.

Đối với đương sự Thạch S là con của ông Thạch C xét thấy tại thời điểm hộ ông Thạch C đăng ký kê khai thì ông Thạch S đang định cư ở Thái Lan, ông Thạch C thừa nhận diện tích đất này ông Thạch S không có công sức đóng góp nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Thạch S tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[7] Từ những phân tích trên xét thấy, kháng cáo của ông Thạch C, bà Thạch Thị L, bà Kim Thị S, bà Thạch Thị K, ông Thạch S, chị Thạch Thị N, anh Thạch C, chị Thạch Thị U, anh Sơn T là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận. Xét thấy ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận. Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh là phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự thuộc đối tượng được miễn án phí phúc thẩm có đơn yêu cầu và được Tòa án chấp nhận. Do đó Thạch C, bà Thạch Thị L, bà Kim Thị S, bà Thạch Thị K, ông Thạch S, chị Thạch Thị N, anh Thạch C, chị Thạch Thị U, anh Sơn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thạch C, bà Thạch Thị L, bà Kim Thị S, bà Thạch Thị K, ông Thạch S, chị Thạch Thị N, anh Thạch C, chị Thạch Thị U, anh Sơn T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số số 06/2020/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn ông Thạch C với bị đơn bà Thạch Thị N.

Về án phí: Ông Thạch C, bà Thạch Thị L, bà Kim Thị S, bà Thạch Thị K, ông Thạch S, chị Thạch Thị N, anh Thạch C, chị Thạch Thị U, anh Sơn T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Đắc Đương